

YẾU TỐ BIỂN CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG VÙNG BIỂN ĐÔNG NAM Á

Trần Thị Thu Lương

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Trong văn hóa Việt Nam, ngoài yếu tố đồng bằng lúa nước là yếu tố cơ bản thì yếu tố biển cũng rất cần chú trọng. Bài viết tập trung phân tích và chứng minh yếu tố biển trong văn hóa Việt truyền thống và nhấn mạnh rằng hiện nay Việt Nam với tiềm năng to lớn về biển cần nhận thức sâu sắc hơn về yếu tố biển trong văn hóa của mình để nhanh chóng hội nhập vào mạng lưới kinh tế biển của Đông Nam Á và thế giới.

Từ khóa: văn hóa Việt Nam, yếu tố biển, vùng biển Đông Nam Á.

Nếu yếu tố đồng bằng lúa nước đã được xác định là yếu tố cơ bản nhất của văn hóa cổ truyền ở Việt Nam thì cũng rất cần phải nhấn mạnh thêm về một yếu tố khác cũng góp phần quan trọng cấu thành nên văn hóa Việt Nam đó là yếu tố BIỂN. Thực tế cho thấy rằng, biển đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra cấu trúc lịch sử ở Đông Nam Á. Do vậy, trong xu thế hội nhập khu vực hiện tại, chúng ta rất cần phải ý thức hơn nữa về yếu tố BIỂN của văn hóa Việt Nam, phát huy yếu tố này để có thể tham gia hội nhập mạnh mẽ hơn, chủ động hơn.

1- Biển, trước hết là yếu tố ĐỊA - VĂN HÓA quan trọng của Việt Nam và Đông Nam Á. Về mặt địa chất, Đông Nam Á được coi như một nền bằng nửa chìm ngập trong đại dương được bao quanh bởi các quần đảo Philippin, Indônêxia ở phía Đông và Myanma ở phía Tây. Tính chất nửa chìm ngập ấy biểu hiện trước hết ở chỗ biển chia cắt tiểu lục địa Đông Nam Á thành những vũng, vịnh, đảo và bán đảo trong đó có Việt Nam. Chỉ số duyên hải của khu vực Đông Nam Á bao gồm cả Đông Nam Á lục địa

là 5. Chỉ số này có ý nghĩa là ở Đông Nam Á tính bình quân 1 km bờ biển chỉ che phủ 5 km² đất liền. Trong khi đó ở Trung Quốc chỉ số này là 500 và ngay cả ở Nhật Bản một quốc gia đảo quốc thì chỉ số này cũng còn là 20 (1).

Bờ biển dài là nguyên nhân gây mưa nhiều và khiến cho lượng hơi nước luôn dư thừa trên đất liền. Do vậy Việt Nam cũng như Đông Nam Á nói chung là khu vực có độ ẩm cao vào loại nhất thế giới. Những công trình nghiên cứu địa lý và sinh vật học cho thấy Việt Nam thuộc hệ sinh thái nhiệt đới Đông Nam Á với tính chất phổ tạp (tức đa dạng về giống loài động, thực vật nhưng số lượng cá thể ít) và chỉ số đa dạng (tức tỷ lệ giữa số giống loài và số lượng cá thể) cao. Hệ sinh thái ấy ảnh hưởng rất lớn đến các cư dân tiền nông nghiệp ở Việt Nam và Đông Nam Á - những cư dân đặt viên gạch đầu tiên xây dựng nên nền văn hóa Đông Nam Á bản địa.

Biển Đông (2) của Việt Nam và Đông Nam Á nhờ vào vị trí địa lý có những kênh nối thông Ấn Độ dương với Thái Bình dương nên được coi là cửa ngõ quốc tế. Con đường tơ lụa trên

biển ấy với những thuyền buồm trong khi chờ tải hàng hóa làm giao lưu văn minh Đông - Tây đã như con ong cần mẫn thụ phấn cho những bông hoa văn hóa của các dân tộc ở đây nở ra muôn sắc màu.

2- Việt Nam được bao bọc cả ba phía bởi biển Đông với đường bờ biển dài 3200 km, chiếm trọn cả phần đông của bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực biển quan trọng ở Đông Nam Á. Với vị thế tựa lưng vào núi, ngoảnh mặt ra biển, nơi giao lưu các nền văn minh, từ xa xưa biển đã tạo thành - cùng với nhân tố núi và đồng bằng - một trụ cột của văn hóa truyền thống Việt Nam

Ký ức thắm sâu về nguồn gốc của dân tộc phản ánh trong huyền thoại là ký ức về nguồn gốc CON RỒNG CHÁU TIÊN trong đó biển là nơi ở của BỐ RỒNG Lạc Long Quân, còn núi (rừng) là nơi ở của MẸ TIÊN Âu Cơ. Sự phân đôi 50 con theo cha xuống biển, 50 con theo mẹ lên rừng phải chăng đã phản ánh tỷ lệ cân bằng của yếu tố BIỂN và LỤC ĐỊA của văn hóa Việt Nam trong thời kỳ tiền sử?

Ký ức về cội nguồn của các dân tộc anh em cùng sống chung trên lãnh thổ cũng là ký ức về ĐẠI DƯƠNG với nạn hồng thủy trong câu chuyện thần thoại về quả bầu. Cuộc chiến giữa SƠN TINH và THỦY TINH mãi mãi là bản hùng ca của Việt Nam về cuộc đấu tranh sinh tồn giữa con người và biển cả và bài học lịch sử đầu tiên về sự cảnh giác trong cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập dân tộc cũng sẽ còn lắng lại cho muôn đời sau trong những viên ngọc trai ở biển Đông khi chúng được kết lại bởi những giọt máu ân hận của Mỹ Châu.

Biển rõ ràng là thân thuộc và sâu sắc trong tâm linh người Việt. Từ thời cổ đại những cư dân của văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn đã đi từ đất liền ra hải đảo và ngược lại. Các nhà nhân chủng học cho biết: những sọ cổ của người thời Hòa Bình, Bắc Sơn ở lục địa rất giống những sọ cổ cùng thời tìm thấy ở hải đảo. Kỹ nghệ mài tước ở Việt Nam, ở Thái Lan cũng có mặt ở Java và Philippin. Việc đi lại như vậy chỉ có thể thực hiện bằng đường biển trên những phương tiện hàng hải cổ đại. Chúng ta biết đến những hoa văn hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn. Đó có lẽ là những con thuyền vượt biển bởi vóc dáng to lớn của nó. Giả thuyết này có cơ sở hơn khi người ta tìm thấy một chiếc thuyền đồng trên đảo Flores của Indônêxia có hình dáng giống hệt như chiếc thuyền khắc trên trống Đông Sơn. Chiếc thuyền ấy được dân làng trên đảo coi là tài sản của tổ tiên truyền lại và câu chuyện về con thuyền đưa tổ tiên họ ra đảo được kể lại trong một bài hát, hát trong những dịp hội lễ (3).

Những phát hiện mới về khảo cổ học cho biết: bản thân trống đồng Đông Sơn cũng có mặt trên một vùng rất rộng ở Đông Nam Á từ lục địa đến hải đảo. Suốt trong một thời gian dài, thậm chí khi văn hóa Đông Sơn đã bắt đầu quá trình tiếp biến với văn hóa Hán và nước ta đã ở dưới ách thống trị của người Hán thì trống Đông Sơn vẫn tiếp tục tỏa ảnh hưởng mạnh mẽ xuống Đông Nam Á (4).

Để lý giải sự phân bố rộng của trống đồng ở Đông Nam Á các học giả đã cho rằng: hoặc đó là kết quả của trao đổi buôn bán qua đường biển, hoặc đó là do những cư dân Việt cổ rời bỏ quê hương khổ đau dưới ách áp bức của kẻ thù

xâm lược phương bắc mà đi về phương nam mang theo cả trống đồng.

Sự tiến bộ kỹ thuật hàng hải của người Việt cổ đã được các nhà nghiên cứu xác nhận. Edwin Doran một chuyên gia có tầm cỡ về kỹ thuật tàu bè trong cuốn sách Wang Ka của ông (1981) đã nhận định rằng: Vịnh Bắc Bộ dường như là trung tâm phát tán loại thuyền vượt đại dương. Bằng tư liệu thu thập được ông chứng minh rằng thuyền gắn phao đã thịnh hành xa xưa ven biển Đông Nam Á và đặc biệt ông còn cho rằng con thuyền gắn hai phao có nguồn gốc từ Việt Nam (5).

Truyền thống sử dụng thuyền buồm ấy của người Việt cổ mãi về sau vẫn còn được gìn giữ và phát huy. Suốt dọc hơn 3000 km bờ biển Việt Nam đã tồn tại một hệ thống các loại thuyền với những cánh buồm đủ loại, nhiều màu sắc. Từ những cánh buồm hình chữ nhật treo trên ghe lớn vùng Hà Tiên, Châu Đốc tới những cánh buồm hình tam giác trên ghe bầu Quảng Nam, Bình Định; buồm tai trâu của ghe thuyền Đà Nẵng và cồng về phía bắc buồm cồng có hình dáng tù hơn, vát hơn. Cuối cùng là những chiếc buồm hình cánh dơi nổi tiếng trong vịnh Hạ Long xinh đẹp (6).

Sự phát triển của thuyền và kỹ thuật hàng hải chứng tỏ rằng người Việt cổ đã tung mình vào đại dương và cuộc sống của họ tràn đầy hơi thở của biển cả.

Giáo sư Trần Quốc Vượng đã tổng kết về văn hóa ẨM của người Việt với công thức: COM + RAU + CÁ. COM ở đây được coi là đại diện cho ngũ cốc (lúa, ngô, khoai, sắn, đậu), CÁ ở đây được coi là đại diện cho nhiều

loại thủy sản khác (cua, tôm, ốc, lươn, trai, hến, ...).

Trong công thức ấy CÁ chắc không chỉ đại diện cho thủy sản ở sông suối mà còn là đại diện cho hải sản ở biển bởi hải sản cũng chiếm tỷ lệ cao trong bữa ăn của đa số cư dân Việt Nam. Sau nữa, một thức ăn được coi là *quốc hồn quốc túy* trong văn hóa ẩm thực Việt Nam là NƯỚC MẮM lại chính là món quà được chất chiu từ biển khơi.

Văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ có địa bàn là bắc Việt Nam nhưng từ đoạn cong lồi ra biển của dải đất hình chữ S thì lại tồn tại một nền văn hóa khác tương đương với thời Đông Sơn đó là văn hóa Sa Huỳnh. Địa bàn của nền văn hóa này được xác định là dải đất từ lưu vực sông Đồng Nai đến Quảng Nam, Đà Nẵng. Chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh là nhưng cư dân nói tiếng Nam đảo hay Malai - polynesie. Họ cũng có một mối liên hệ văn hóa rộng rãi với các nước Đông Nam Á khác qua đường biển. Những khuyến tai hai đầu thú, khuyến tai ba mấu nhọn đặc trưng ở văn hóa Sa Huỳnh còn được tìm thấy ở các đảo Philippin và ở Uthông (Thái Lan) điều này chứng tỏ sự lan tỏa ảnh hưởng của văn hóa Sa Huỳnh ra Đông Nam Á.

Từ những kết quả nghiên cứu sâu sắc về các di chỉ khảo cổ học ven biển Việt Nam, Giáo sư Hà Văn Tấn đã đi đến một kết luận về *đường viền văn hóa biển* của văn hóa Việt Nam như sau: “*Chúng ta biết rằng có một lớp hay nhiều lớp dân cư mang yếu tố văn hóa Nam đảo, từ rất sớm, rõ nhất là từ cuối thời đại đá mới, đầu thời đại kim khí đã làm thành một*

đường viền ven biển Việt Nam và thâm thấu vào những vùng sâu hơn ở phía trong. Lớp dân cư đó chẳng những không mất đi mà có thể đã tăng cường trong nhiều đợt, cuối cùng đã hòa lẫn vào cộng đồng Việt cổ. Chính đó là một trong những cội nguồn của người Việt. Tuy bị hòa lẫn nó vẫn tạo ra một sắc thái “Biển” cho văn hóa Việt cổ, ít ra là ở đường viền mà nó có mặt từ trước” (7).

Văn hóa Đông Sơn và văn hóa Sa Huỳnh là hai khối văn hóa thời cổ đại kết tinh trên lãnh thổ Việt Nam. Ở cả hai nền văn hóa này sắc thái văn hóa biển đều để lại những dấu ấn đậm nét. Hay nói một cách khác, yếu tố BIỂN thực sự là một yếu tố quan trọng cấu thành nên nền văn hóa bản địa của Việt Nam trong lòng Đông Nam Á cổ đại.

Các sách cổ của Trung Hoa đều ca ngợi người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền. Thực vậy, nhiều chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm của Việt Nam trong lịch sử đều diễn ra ở cửa biển trong đó nổi tiếng là những trận quyết chiến quyết thắng chiến lược của Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn ở Bạch Đằng. Đó trước hết là chiến thắng được kết tinh bởi những hiểu biết sâu sắc của cha ông ta về biển, đến mức có thể dùng nó làm vũ khí chống lại kẻ thù xâm thù xâm lược, giữ vững nền độc lập đưa thời đại phục hưng văn hóa sau hơn một nghìn năm bắc thuộc lên đỉnh cao rực rỡ.

3- Đông Nam Á trong cái nhìn tổng thể có thể coi là một khu vực giao thông nối thông hai thế giới Đông - Tây qua biển, trong đó Việt Nam nằm trong khu vực ngã tư đường.

Đông Nam Á có những kênh nối thông từ Ấn Độ dương qua Thái Bình dương như các eo biển Malacca, Sulu và Lombok (lambac). Chế độ gió thổi theo mùa trong vùng biển này đã đẩy những con thuyền buồm chất đầy hàng hóa ngược xuôi và tạo ra nơi đây sự nhộn nhịp quanh năm của thương nghiệp biển. Theo các nhà nghiên cứu (8) thì thương nghiệp biển giữ một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á. Chính thương nghiệp biển đã cuốn các quốc gia này vào một mạng lưới kinh tế nhưng đồng thời mạng lưới đó cũng là sản phẩm của những hoàn cảnh lịch sử và điều kiện sinh thái nhất định. Thương nghiệp biển là cánh cửa để qua đó nhiều nền văn minh Đông - Tây đến được với các dân tộc ở Đông Nam Á. Những dân tộc này tùy vào điều kiện môi trường cụ thể của mình mà tiếp thu những ảnh hưởng của các nền văn hóa khác rồi cải biên, hòa trộn để tạo ra những sắc màu văn hóa mới. Việt Nam là một trong những nước Đông Nam Á như vậy.

Nhờ vào vị trí địa lý có đường bờ biển dài lại nằm ở khu vực giao thương quan trọng, đặc biệt là do có những yếu tố biển tiềm tàng trong văn hóa bản địa của mình mà cư dân nằm trên dải đất hình chữ S này từ rất sớm đã tích cực tham gia vào thương nghiệp biển trong vùng biển Đông Nam Á.

Thời kỳ đầu công nguyên khi các thuyền buôn Choveo Kra trên bán đảo Malaysia làm khu vực trung chuyển thì trong Vịnh Thái Lan thương cảng Óc eo của Phù Nam (nay thuộc tỉnh Kiên Giang) là một thương cảng quan trọng. Những thành tựu khảo cổ học về nền văn

minh Óceo đã làm chúng ta kinh ngạc về quy mô và sự sầm uất của một cảng biển cổ đại trên vùng đất cuối của đất nước.

Đọc theo bờ biển miền trung Việt Nam, nơi cư trú xưa kia của các chủ nhân văn hóa Sa Huỳnh thì biển thực sự có một vị trí quan trọng trong đời sống của các con cháu họ thuộc quốc gia Chăm pa. Các Chiêm cảng trở thành những trạm nghỉ quan trọng trên con đường biển từ Quảng Châu (Trung Quốc) đến Bátđá (Árập). Các thuyền buôn quốc tế ghé vào đây để lấy nước ngọt bởi người Chăm biết đào và xây những giếng nước rất trong rất ngọt. Những giếng này đào không sâu cho dù nằm dưới chân núi hay dọc những cồn cát ven biển đặc biệt là mùa mưa nước không đục, mùa khô nước không bị nhiễm mặn. Một số trong các giếng đó cho đến nay vẫn còn là nguồn cung cấp nước cho cư dân hiện đại ở Quảng Nam. Chăm pa còn được coi là xứ sở của trầm hương. Trầm hương Chăm pa được lái buôn quốc tế gọi là caufi được đánh giá vào loại tốt nhất trên thị trường thế giới. Vì vậy các thuyền buôn quốc tế ghé vào các Chiêm cảng không chỉ lấy nước ngọt mà còn để thu gom trầm hương và nhiều sản vật khác như ngà voi, yến sào, hổ phách, v.v.. Do vậy trong một số bản đồ, khu vực miền trung Việt Nam được vẽ và ghi tên là BIỂN CHĂM PA.

Trên bờ biển bắc Việt Nam thì những tư liệu thư tịch cổ và kết quả nghiên cứu khảo cổ đã đem tới cho chúng ta những kết luận đáng tin cậy về thương cảng Vân Đồn. Đó là một hệ thống các bến thuyền phân bố trên nhiều hòn đảo thuộc vịnh Bái Tử Long. Cảng Vân Đồn

suốt trong các thời Lý - Trần và đầu nhà Lê là một hải cảng quan trọng. Nó chiếm một vị trí xung yếu trên con đường hàng hải Đông - Tây và là trạm trung chuyển của tuyến đường biển Trung Hoa - Đại Việt - Đông Nam Á - Ấn Độ - Ba Tư...

Ngoài thương cảng Vân Đồn thuyền buôn nước ngoài còn đến cửa Hội Triều (Thanh Hóa) cửa Thoi, cửa Quèn, cửa Cồn (Diễn Châu - Nghệ An), cửa Hội (Vinh - Nghệ An), cửa Nhật Lệ (Quảng Bình), cửa Tùng, cửa Việt (Quảng Trị).

Các nhà nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước đều nhất trí nhận định rằng thế kỷ XVI - XVII là thời kỳ hồi sinh của các cửa biển miền trung và nam bộ nước ta.

Ngoài cửa Tùng, cửa Việt (Quảng Trị) còn có cửa Eo, cửa Tư Hiền (Thừa Thiên Huế), cửa Thi Nại (Qui Nhơn - Bình Định), cửa biển Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Rang, Phan Thiết (Thuận Hải), v.v.. (9). Đặc biệt là Hội An với cửa Hàn (Đà Nẵng), cửa Đại Thu Bồn đã trở thành cảng biển lớn nhất của Đàng trong Đại Việt. Thương thuyền Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm la, Philippin, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp đều đã có mặt ở Hội An. Đô thị cảng này đã hình thành đồng thời với sự phát triển của kinh tế ngoại thương Đàng trong vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Trong suốt thế kỷ XVIII Hội An phát triển mạnh phổ phùng sầm uất, nhà cửa san sát, tàu bè ra vào tấp nập trên bến dưới thuyền. Sự phồn thịnh ấy còn kéo dài sang thế kỷ XVIII. Nhưng từ thế kỷ XIX do nhiều nguyên nhân địa lý và lịch sử mà vị trí kinh tế của Hội An giảm dần nhất là khi có con

đường quốc lộ I thì trung tâm thương mại ở vùng này chuyển sang Đà Nẵng với thương cảng mới.

Ở Nam bộ các cảng sông gần biển: Cù Lao Phố (Biên Hòa - Bà Rịa), Bến Nghé (Sài Gòn), Mỹ Tho (Hà Tiên) cũng có những hoạt động thương mại sầm uất với những đoàn thuyền buôn đi khắp khu vực biển Đông Nam Á.

Nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX với chính sách *bé quan tóa cảng* phục hồi cái nhìn hướng nội *trọng nông ức thương*, co mình lại để tự vệ trước làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây và do vậy đã làm cho truyền thống thương nghiệp biển của Việt Nam bị thui chột đi.

Tiếp đó, dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp ngót một thế kỷ các cửa biển Việt Nam chỉ phục vụ cho mục đích nối thông những nơi làm ra sản phẩm với thị trường thực dân mà thôi do đó dù các con số thống kê xuất nhập khẩu vào Việt Nam qua đường biển có tăng lên nhưng không thể coi đó là sự phát triển của thương nghiệp biển ở Việt Nam. Biển thực ra là một yếu tố trong môi trường sông nước nói chung của môi trường tự nhiên ở Việt Nam. Địa bàn cư trú của người Việt từ cổ đại đến sau này đều nằm rải trên một lãnh thổ mà chiều dài của nó lớn gấp nhiều lần chiều rộng. Địa bàn này thường là nơi giao tiếp giữa lưng (tựa vào núi) và phía mặt (ngoảnh ra biển). Do vậy trên lãnh thổ Việt Nam còn tồn tại một hệ thống sông ngòi dày đặc hình nan quạt xòe ra ở phía hạ nguồn đổ ra biển cả. Có thể nói rằng sông nước là môi trường sinh sống của người Việt.

Vì vậy văn minh lúa nước là hằng số lớn nhất của đặc điểm văn hóa dân tộc.

Nhưng như đã phân tích suốt trong quá trình tồn tại và phát triển của yếu tố BIỂN luôn hiện diện và tuy từng lúc từng vùng nó chiếm một tỷ trọng đáng kể trong thành tố cấu thành văn hóa Việt Nam. Có một thực trạng tồn tại là sự yếu đi của yếu tố văn hóa này trong văn hóa Việt Nam những giai đoạn sau và hiện nay mặc dù các đặc điểm địa lý về biển vẫn hầu như không thay đổi.

Rõ ràng là trong quá trình tiếp biến văn hóa ở các giai đoạn sau yếu tố biển đã không được bảo tồn và phát huy mạnh mẽ. Sự thui chột của nó có rất nhiều nguyên nhân đối với từng thời kỳ, từng vùng lãnh thổ. Để phân tích cặn kẽ về các nguyên nhân này, đối với từng khu vực (Bắc, Trung, Nam) trong nhiều giai đoạn không phải là việc đơn giản và dễ dàng. Nhưng đó là một đề tài rất cần phải nghiên cứu bởi vì ở Việt Nam hiện nay dù vùng biển với thêm lục địa thuộc chủ quyền Việt Nam có diện tích lớn hơn nhiều so với lãnh thổ trên đất liền lại giàu có về tài nguyên nhưng việc khai thác các tài nguyên này thật sự chỉ mới bước đầu.

Ngành khai thác chế biến hải sản, ngành hàng hải ở Việt Nam chưa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn xứng đáng với tầm vóc biển Việt Nam. Biển Đông Nam Á ngày nay với hiệp hội ASEAN về phương diện kinh tế là sự phục hồi màng lưới thương nghiệp biển đã từng tồn tại trong lịch sử. Việt Nam với tiềm năng to lớn về biển cần nhận thức sâu sắc hơn về yếu tố biển trong văn hóa của mình để nhanh chóng hội

nhập vào khu vực trước hết là vào mạng lưới

kinh tế biển ở vùng Đông Nam Á và thế giới.

MARINE FACTORS OF VIETNAMESE CULTURE IN SOUTHEAST ASIAN WATERS

Tran Thi Thu Luong

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *In Vietnamese culture, apart from the fact that water rice fields play the foundation role, marine element should be attached great importance to. In this light, the paper focuses on the analyzing and justifying the significance of marine element in Vietnamese traditional culture. The paper also emphasizes that Vietnam, with its current powerful potentials from the sea, needs to be deeply aware of marine element in its culture so as to rapidly integrate into marine economic network of Southeast Asia and of the world.*

Keywords: *Vietnamese culture, marine factors.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dẫn theo Sakurai Jumlo, *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (25), 1996 của Viện nghiên cứu Đông Nam Á.
- [2]. Biển Đông thường có tên trên bản đồ là *biển nam Trung Hoa* nhưng đó chỉ là tên do các nhà hàng hải cổ đại đặt ra để chỉ vị trí chứ hoàn toàn không phải để chỉ chủ quyền. Hiện nay để tránh hiểu lầm một số người đang đề nghị đổi tên *biển nam Trung Hoa* thành *biển Đông Nam Á*.
- [3]. Viện Khảo cổ học, *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 419.
- [4]. Hà Văn Tấn, *Một số ghi chú về trồng đồng ở Đông Nam Á*, Thông báo khoa học Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam, số 3, (1985).
- [5]. Wilhelm G. Solheim II (Uynhem Tai Sonhem), *Archaeology in Synopsis A, Austro tai studies Institute* (Thông báo riêng). Dẫn theo Cao Xuân Phổ, *Văn hóa biển Đông Nam Á*, tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (17), (1994).
- [6]. Xem phụ lục hình các loại thuyền buồm của Việt Nam từ Nam chí Bắc
- [7]. Hà Văn Tấn, *Thuyền, mộ và mộ thuyền*, Thông báo khoa học Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam, (1994).
- [8]. Sakurai Yumlo, *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của Đông Nam Á*, tài liệu đã dẫn.

[9]. Trần Quốc Vượng, *Mấy nét khái quát
lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của*

Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Đông
Nam Á, số 1 (10), (1993).